

I LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
1	1.012961.000.00.00.H12	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
2	1.006445.000.00.00.H12	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
3	1.012962.000.00.00.H12	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
4	1.006390.000.00.00.H12	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
5	1.006444.000.00.00.H12	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
6	1.012963.000.00.00.H12	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
7	1.004563.000.00.00.H12	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
8	1.001639.000.00.00.H12	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
9	2.001842.000.00.00.H12	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Phân định thẩm quyền

			huyện xuống xã
10	1.004552.000.00.00.H12	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
11	1.005099.000.00.00.H12	<u>Chuyển trường đối với học sinh tiểu học.</u>	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
12	1.012964.000.00.00.H12	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
13	1.012968.000.00.00.H12	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
14	1.012967.000.00.00.H12	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
15	1.012965.000.00.00.H12	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
16	1.012966.000.00.00.H12	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
17	3.000182.000.00.00.H12	Tuyển sinh trung học cơ sở	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã

18	2.002481.000.00.00.H12	<u>Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.</u>	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
19	2.002483.000.00.00.H12	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
20	2.002482.000.00.00.H12	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
21	2.001904.000.00.00.H12	<u>Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở.</u>	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
22	1.005108.000.00.00.H12	<u>Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở.</u>	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
23	1.012969.000.00.00.H12	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
24	3.000308.000.00.00.H12	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
25	3.000307.000.00.00.H12	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
26	1.012970.000.00.00.H12	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Phân định thẩm quyền

			huyện xuống xã
27	3.000309.000.00.00.H12	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
28	2.002594.000.00.00.H12	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
29	1001000.000.00.00.H12	Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
30	1.008724.000.00.00.H12	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
31	1.008725.000.00.00.H12	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
32	1.008951.000.00.00.H12	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp.	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã

33	1.001714.000.00.00.H12	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
34	1.005143.000.00.00.H12	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
35	1.002407.000.00.00.H12	Xét, cấp học bổng chính sách	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
36	1.003702.000.00.00.H12	Hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
37	1.001622.000.00.00.H12	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
38	1.008950.000.00.00.H12	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
39	1.005144.000.00.00.H12	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
40	1.005090.000.00.00.H12	<u>Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú</u>	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã

41	1.005092.000.00.00.H12	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
42	2.001914.000.00.00.H12	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
43	1.004889.000.00.00.H12	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
44	2.001960.000.00.00.H12	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
45	2.002284.000.00.00.H12	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	Phân định thẩm quyền huyện xuống xã
46	1.012972.000.00.00.H12	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	
47	1.012973.000.00.00.H12	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	
48	1.012974.000.00.00.H12	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	
49	1.012975.000.00.00.H12	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	

50	1.001714.000.00.00.H12	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	
51	2.002771.000.00.00.H12	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	
52	2.002770.000.00.00.H12	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	
53	1.012972.000.00.00.H12	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	